

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS.K180.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân

QUY ĐỊNH

Một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Nghị quyết này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN, tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, trong đó, mức hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh được quy định như sau:

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	0,33
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học	0,34	0,20
3	Thành viên	0,18	0,11
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,11	0,07

b) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định (Chủ nhiệm nhiệm vụ; Thành viên thực hiện chính, Thư ký khoa học; Thành viên).

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Mức dự toán thuê chuyên gia trong nước theo ngày công đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh không quá 28 triệu đồng/người/tháng (22 ngày làm việc/tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước theo hợp đồng khoán việc không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

3. Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Hội thảo khoa học	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.000	600
2	Thư ký hội thảo	Buổi	350	210
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.400	840

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Hội thảo khoa học	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	700	420
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi	150	90

4. Định mức chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
1	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		500
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		350
	Thư ký hành chính		100
	Đại biểu được mời tham dự		70
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150

5. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 3,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 140 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 70 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi tiền công của các Hội đồng quy định như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		700	420
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		560	340
	Thư ký hành chính		200	120
	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350	210
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	120
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.050	630
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700	420
	Thư ký hành chính		200	120
	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	210
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	300
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	210
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	120
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	90
4	Chi Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ)			
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		500	250
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		350	170
	Thư ký hành chính		100	50
	Đại biểu được mời tham dự		70	30
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250	120
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150	80
5	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
	Chủ tịch Hội đồng		1.050	630
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700	420
	Thư ký hành chính		200	120
	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	210

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 4 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện: Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hàng năm theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân